

P, ngày 16 tháng 12 năm 2024

Số: 173/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 540/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH TCTD Việt Nam. Địa chỉ: TĐT, phường HB, quận DD, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ngân hàng SGCT. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng SGCT: Ông Vũ Quang L- Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền ông Vũ Quang L: Ông Ngô Văn N- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng SGCT- chi nhánh TG; Ông Đỗ Minh H- Chức vụ: Trưởng bộ phận cho vay Ngân hàng SGCT- chi nhánh TG; Ông Phạm Hồng C- Nhân viên kinh doanh Ngân hàng SGCT chi nhánh TG.

- **Bị đơn:** Chị Phan Thị A, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp TL, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị A1, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp TL, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Ngân hàng SGCT. Địa chỉ: PĐCh, phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng SGCT: Ông Vũ Quang L- chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền ông Vũ Quang L: Ông Lê Nguyễn Quốc H– Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng SGCT- chi nhánh TG; Ông Nguyễn Thanh D–Phó phòng kinh doanh Ngân hàng SGCT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Phan Thị A có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH TCTD Việt Nam là 4.665.951.159 đồng (tính đến ngày 05/12/2024), trong đó: nợ gốc là 4.100.000.000 đồng, nợ lãi là 565.951.159 đồng. Chị Phan Thị A còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng số 02/2024/HỆTDHMDP-CN ngày 15/01/2024 và hợp đồng tín dụng số 06/2023/ HỆTDHMDP-CN ngày 18/01/2023; Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 06/2023/ HỆTDHMDP-CN–SĐBSL1 ngày 31/8/2023 chuyển sang; Giấy nhận nợ số 03-06/2023/HỆTDHMDP-CN ngày 17/4/2023; Giấy nhận nợ số: 04-06/2023/HỆTDHMDP-CN ngày 18/4/2023; Giấy nhận nợ số 05-06/2023/HỆTDHMDP-CN ngày 19/4/2023; Giấy nhận nợ số 06-06/2023/HỆTDHMDP-CN ngày 31/8/2023; Giấy nhận nợ số 07-06/2023/HỆTDHMDP-CN ngày 06/10/2023; Giấy nhận nợ số 01-02/GNN-2024 ngày 15/01/2024; kể từ ngày 06/12/2024 cho đến khi trả tất toán nợ cho Công ty TNHH TCTD Việt Nam.

2.2. Trường hợp chị Phan Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH TCTD Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản đã thế chấp như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 310, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Thạnh A, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ327005, số vào sổ CS05833 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/11/2018 cho chị Phạm Thị A1.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 311, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Thạnh A, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN627612, số vào sổ CS05238 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/05/2018 cho chị Phạm Thị A1.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY349549, số vào sổ CS07739 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/12/2020 cho chị Phạm Thị A1.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY349550, số vào sổ CS07738 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/12/2020 cho chị Phạm Thị A1.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp TH, xã

TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS376215, số vào sổ CS06392 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/07/2019 cho chị Phạm Thị A1.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 218, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS376214, số vào sổ CS06391 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/07/2019 cho chị Phạm Thị A1.

2.3. Khi chị Phan Thị A trả xong số tiền nêu trên cho Công ty TNHH TCTD Việt Nam thì Công ty TNHH TCTD Việt Nam phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phạm Thị A1 các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ327005, số vào sổ CS05833 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 27/11/2018. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN627612, số vào sổ CS05238 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/05/2018. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY349549, số vào sổ CS07739 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/12/2020. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY349550, số vào sổ CS07738 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/12/2020. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS376215, số vào sổ CS06392 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/07/2019. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS376214, số vào sổ CS06391 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/07/2019. Và yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp theo quy định.

2.4. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán số tiền gốc, tiền lãi vay, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì bà Phan Thị A có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Công ty TNHH TCTD Việt Nam.

2.5. Do Công ty TNHH TCTD Việt Nam; Ngân hàng SGCT- Chính sách TG; chị A, chị A1 không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định các tài sản thế chấp nêu trên nên không xem xét giải quyết.

2.6 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phan Thị A tự nguyện nộp toàn bộ là 56.332.975 đồng.

- Công ty TNHH TCTD Việt Nam được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.276.000 đồng theo biên lai thu số 0005962 ngày 06/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).